

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **127** /TTr-UBND

Quảng Trị, ngày **23** tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển NSTW giai
đoạn 2021 – 2025, kế hoạch vốn các năm 2022, 2023, 2024
kéo dài sang năm 2025 và kế hoạch vốn năm 2025 thực hiện
Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá VIII, Kỳ họp thứ 32

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 01/01/2025;

Căn Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 về sắp xếp
các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Trị năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh về
phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương 5 năm giai đoạn
2021 – 2025 và năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 24/10/2023 của HĐND tỉnh về phân bổ
bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021 – 2025 thực hiện Chương
trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh về
phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển Ngân sách Trung ương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 của HĐND tỉnh về
điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2025 thực
hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 3278/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh
về phân bổ vốn kế hoạch đầu tư phát triển thực hiện Chương trình MTQG xây
dựng nông thôn mới năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 29/4/2025 của UBND tỉnh về
việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2025 thực hiện Chương trình
MTQG xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 28/3/2025 của UBND tỉnh về
việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2025 thực hiện Chương trình
MTQG xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 2053/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh về việc chuyển giao các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình kỳ họp thứ 32 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII xem xét, điều chỉnh Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 – 2025, kế hoạch vốn các năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025 và kế hoạch vốn năm 2025 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới như sau:

1. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển NSTW giai đoạn 2021 – 2025 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM

Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển NSTW giai đoạn 2021-2025 được phân bổ tại các Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 và số 85/NQ-HĐND ngày 24/10/2023 của HĐND tỉnh để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 432.890 triệu đồng. Tuy nhiên theo Quyết định số 864/QĐ-TTg ngày 05/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu phát triển ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của tỉnh đã điều chỉnh giảm 3.950 triệu đồng. Do đó, UBND tỉnh kính đề nghị HĐND tỉnh điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021–2025 của Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại các Nghị quyết với tổng số vốn sau điều chỉnh là 428.940 triệu đồng.

2. Điều chỉnh kế hoạch vốn kế hoạch vốn đầu tư phát triển NSTW các năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025 và kế hoạch vốn năm 2025.

a) Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển NSTW thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới các năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025 của các huyện là 5.405,250 triệu đồng;

b) Tổng vốn đầu tư phát triển NSTW thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2025 tại Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 và Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 HĐND tỉnh là 93.970 triệu đồng.

Để đảm bảo phù hợp với việc thực hiện tổ chức chính quyền 2 cấp theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025 và Nghị quyết số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Trị năm 2025, UBND tỉnh kính báo cáo HĐND tỉnh điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương các năm 2022, 2023, 2024 kéo dài sang năm 2025 và kế hoạch năm 2025 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo các phụ lục 01,02,03 kèm theo.

(Tờ trình này thay thế tờ trình số 116/TTr-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, kỳ họp thứ 32 xem xét, quyết định./i✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT_{TTA}. *TC*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH**



Hoàng Nam

Phụ lục 01

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NSTW GIAI ĐOẠN 2021-2025

CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Tờ trình số 127 /TTr-UBND ngày 23 /6/2025 của UBND tỉnh)



DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung/Đơn vị	KH 2021-2025 tại NQ 30/NQ- HĐND ngày 29/6/2022, 85/NQ-HĐND ngày 24/10/2023 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh		Kế hoạch 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tăng (+)	Giảm (-)		
	TỔNG CỘNG	432.890,0		3.950,0	428.940,0	
	Trong đó					
I	Hỗ trợ thực hiện các chương trình chuyên đề	42.730,0		3.950,0	38.780,0	
1	Hỗ trợ thực hiện Chương trình phát triển KTTT-HTX giai đoạn 2022-2025	22.730,0		2.381,0	20.349,0	Quyết định số 864/QĐ- TTg ngày 05/5/2025
2	Các Chương trình chuyên đề thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	20.000,0		1.569,0	18.431,0	

Phụ lục 02

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KÉO DÀI SANG NĂM 2025
NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
 (Kèm theo Tờ trình số 127 /TTr-UBND ngày 23 /6/2025 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Địa phương	KH vốn kéo dài các năm sang năm 2025	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	KH vốn kéo dài các năm sang năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	5.405,250	5.405,250	5.405,250	5.405,250	
1	Huyện Đakrông	296,401		296,401		
	Xã Ba Lòng		149,706		149,706	
	Xã Đakrông		50,895		50,895	
	Xã Hướng Hiệp		8,218		8,218	
	Xã La Lay		38,409		38,409	
	Xã Tà Rụt		49,173		49,173	
2	Huyện Gio Linh	1.012,376		1.012,376		
	Xã Bến Hải		48,018		48,018	
	Xã Cồn Tiên		45,643		45,643	
	Xã Cửa Việt		745,133		745,133	
	Xã Gio Linh		173,582		173,582	
3	Huyện Hải Lăng	2.299,693		2.299,693		
	Xã Diên Sanh		2.299,693		2.299,693	
4	Huyện Hướng Hóa	1.481,905		1481,905		
	Xã Khe Sanh		98,897		98,897	
	Xã Tân Lập		51,852		51,852	
	Xã Lao Bảo		1084,540		1.084,540	
	Xã Lìa		75,656		75,656	
	Xã A Dơi		68,915		68,915	
	Xã Hướng Phùng		39,896		39,896	
	Xã Hướng Lập		62,149		62,149	
5	Huyện Vĩnh Linh	197,780		197,780		
	Xã Vĩnh Thủy		180,256		180,256	
	Xã Vĩnh Hoàng		17,524		17,524	
6	Huyện Triệu Phong	29,097		29,097		
	Xã Triệu Bình		29,097		29,097	
7	Thị xã Quảng Trị	87,998		87,998		
	Phường Quảng Trị		87,998		87,998	

Phụ lục 03
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NSTW NĂM 2025 CHƯƠNG
TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
 (Kèm theo Tờ trình số 127 /TTr-UBND ngày 23 /6/2025 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục DA/TDA	Kế hoạch vốn 2025 tại các NQ số: 104/NQ-HĐND ngày 6/12/2024, 14/NQ-HĐND ngày 04/4/2025 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh		Kế hoạch 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tăng (+)	Giảm (-)		
	TỔNG CỘNG	93.970,0	89.439,0	89.439,0	93.970,0	
I	Cấp tỉnh	4.531,0	-	-	4.531,0	
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	3.372,0			3.372,0	
2	Sở Khoa học và Công nghệ	659,0			659,0	
3	Chi cục Kinh tế hợp tác và Quản lý chất lượng	500,0			500,0	
II	Cấp xã	89.439,0	89.439,0	89.439,0	89.439,0	
1	Huyện Hướng Hóa	4.926,5	4.926,5	4.926,5	4.926,5	
	Xã Khe Sanh		892,9		892,9	
	Xã Tân Lập		1.785,8		1.785,8	
	Xã Hướng Phùng		462,0		462,0	
	Xã Lao Bảo		1.785,8		1.785,8	
2	Huyện Đakrông	5.578,3	5.578,3	5.578,3	5.578,3	
	Xã Hướng Hiệp		220,0		220,0	
	Xã Ba Lòng		5.358,3		5.358,3	
3	Huyện Triệu Phong	25.417,7	25.417,7	25.417,7	25.417,7	
	Xã Triệu Phong		2.285,8		2.285,8	
	Xã Ái Tử		3.003,7		3.003,7	
	Xã Triệu Bình		6.636,6		6.636,6	
	Xã Triệu Cơ		6.033,4		6.033,4	
	Xã Nam Cửa Việt		7.458,2		7.458,2	
4	Huyện Vĩnh Linh	13.242,7	13.242,7	13.242,7	13.242,7	

	Xã Vĩnh Linh		1.915,8		1.915,8	
	Xã Cửa Tùng		3.133,7		3.133,7	
	Xã Vĩnh Hoàng		4.053,6		4.053,6	
	Xã Vĩnh Thủy		3.246,7		3.246,7	
	Xã Bến Quan		892,9		892,9	
5	Huyện Hải Lăng	16.095,5	16.095,5	16.095,5	16.095,5	
	Xã Diên Sanh		2.515,8		2.515,8	
	Xã Mỹ Thủy		1.445,9		1.445,9	
	Xã Nam Hải Lăng		5.204,5		5.204,5	
	Xã Hải Lăng		2.678,7		2.678,7	
	Xã Vĩnh Định		4.250,6		4.250,6	
6	Huyện Gio Linh	17.035,1	17.035,1	17.035,1	17.035,1	
	Xã Gio Linh		5.357,4		5.357,4	
	Xã Cửa Việt		3.571,6		3.571,6	
	Xã Cồn Tiên		5.427,4		5.427,4	
	Xã Bến Hải		2.678,7		2.678,7	
7	TX Quảng Trị	892,9	892,9	892,9	892,9	
	Phường Quảng Trị		892,9		892,9	
8	Huyện Cam Lộ	6.250,3	6.250,3	6.250,3	6.250,3	
	Xã Cam Lộ		2.678,7		2.678,7	
	Xã Hiếu Giang		3.571,6		3.571,6	